TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L X
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/DS-ST
Ngày: 21/5/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L X

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Ông Trần Hùng Bích

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Minh Trang -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Trung T, sinh năm 1981; (có mặt).

Địa chỉ: Số B, khóm T, phường M, thành phố L X, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1978; (vắng mặt).

HKTT: Số , đường T, khóm B, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Chổ ở hiện nay: Lô E, khu dân cư B, phường B, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 8 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Trung T trình bày:

Do chỗ quen biết, ông Lê Trung T có cho ông Đặng Văn K vay số tiền là 20.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng sẽ hoàn trả, ông Đặng Văn K có ký tên vào giấy nhận nợ ngày 11/9/2015 và giao cho ông Tánh giữ. Từ khi vay ông K trả vốn cho ông T số tiền là 5.000.000 đồng và lãi chưa trả. Do đó, ngày 24/8/2017 ông T có đơn khởi kiện ông K. Ông K còn nợ vốn ông T 15.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi tạm tính từ ngày 11/9/2015 đến ngày 11/8/2017 là 3.450.000 đồng).

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, tại Tòa án thành phố L X ngày 19/4/2018 ông K có trả thêm cho ông T là 5.000.000 đồng tiền vốn. Hiện nay ông K còn nợ ông T tiền vốn 10.000.000 đồng và cam kết đến ngày 21/5/2018 sẽ trả dứt số nợ.

Nay ông T yêu cầu ông Đặng Văn K phải thanh toán cho ông tiền nợ vốn là 10.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 11/9/2015 cho đến ngày xét xử.

* Theo bản tự khai ngày 19 tháng 4 năm 2018, bị đơn ông Đặng Văn K trình bày: Ông thừa nhận có vay tiền và có ký tên giấy nhận nợ như ông T trình bày. Sau khi vay ông có trả cho ông T tiền vốn 5.000.000 đồng và ngày 19/4/2018 ông có trả thêm cho ông T số tiền 5.000.000 đồng. Ông xác nhận hiện nay còn nợ anh T tiền vốn là 10.000.000 đồng và cam kết đến ngày 21/5/2018 sẽ trả dứt số nợ cho ông T.

- Tại phiên tòa:

Bị đơn ông Đặng Văn K vắng mặt không lý do, nguyên đơn ông Lê Trung T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông T yêu cầu ông K phải thanh toán trả nợ vốn 10.000.000 đồng và thay đổi phần yêu cầu tính lãi số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 11/9/2015 đến ngày 19/4/2018 và tính lãi tiếp theo của số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 20/4/2018 cho đến ngày xét xử lãi suất theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L X phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử tiến hành các thủ tục từ khi khai mạc phiên tòa cho đến phần tranh tụng tại phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử mặc dù tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông K đúng theo quy định. Do đó, ông K đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đặng Văn K trả số tiền vốn là 10.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Trung T khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn K trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L X theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Đặng Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần hai nhưng ông K vẫn vắng mặt tại phiên tòa và tống đạt hợp lệ, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của ông K không gây trở ngại cho việc xét xử;

Toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không thực hiện quyền cũng như không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, không tranh chấp các vấn đề có liên quan trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xét đến. Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 5 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Văn K.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, ông Đặng Văn K vắng mặt nhưng lời khai của ông T là phù hợp với tờ tự khai và biên bản ghi lời khai cùng ngày 19/4/2018 của ông K.

Tuy ông K vắng mặt tại phiên tòa, ông T thừa nhận có xác lập hợp đồng vay thể hiện tại chứng cứ là giấy nhận nợ vay ngày 11/9/2015 do ông T giao nộp cho Tòa án. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thể hiện ông Đặng Văn K có vay của ông Lê Trung T. Như vậy giữa ông T với ông K có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau và hợp đồng vay tài sản này được hai bên đương sự xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, có làm giấy tờ. Hội đồng xét xử công nhận giấy nhận nợ vay ngày 11/9/2015 là có thật, do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T yêu cầu ông K trả nợ là có cơ sở.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông K phải thanh toán tiền vay là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Ông T còn yêu cầu tính lãi đối với số nợ này theo quy định của pháp luật.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, căn cứ vào khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2010 về lãi suất cơ bản là 9%/năm, Hội đồng xét xử điều chỉnh mức lãi suất:

Mức lãi suất được áp dụng tại thời điểm xét xử là lãi suất 0,75/% tháng (tức 0,025%/ngày) và được tính toán cụ thể như: Từ ngày 11/9/2015 đến ngày 19/4/2018 là 951 ngày của số tiền vốn 15.000.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà ông K phải trả cho ông T như sau:

Số tiền 15.000.000 đồng x 0,025% x 951 ngày = 3.566.250 đồng.

Trả thêm vốn là 5.000.000 đồng (ngày 19/4/2018). Hiện ông K còn nợ 10.000.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà ông K phải trả cho ông T như sau:

Tiền lãi từ ngày 20/4/2018 cho đến ngày xét xử 21/5/2018 là 31 ngày của số tiền vốn 10.000.000 đồng.

Số tiền 10.000.000 đồng x 0,025% x 31 ngày = 77.500 đồng (Bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 10.000.000 đồng + 3.566.250 đồng + 77.500 đồng = 13.643.750 đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Đặng Văn K phải thanh toán trả cho ông Lê Trung T tổng cộng số tiền gốc và lãi là 13.643.750 đồng (Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

[3] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử buộc ông Kiệt chịu án phí dân sự sơ thẩm là 682.187 đồng (số tiền phải trả là 13.643.750 đồng x 5%). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và ông Lê Trung T được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp là 461.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476, của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Buộc ông Đặng Văn K có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Trung T số tiền là 13.643.750 đồng (Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). (Trong đó: vốn 10.000.000 đồng + lãi 3.643.750 đồng).

* Về án phí:

Hoàn trả lại cho ông Lê Trung T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 461.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu số 0018669 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L X.

Ông Đặng Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 682.187 đồng (Sáu trăm tám mươi hai ngàn một trăm tám mươi bảy đồng).

- Về nghĩa vụ thi hành án:

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

+ Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (01);
- VKSND TP.L (02);
- THADS Tp.L (01);
- Các đương sự;
- Lưu VP (01);

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huỳnh Bích Tuyền